

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề thi có 04 trang)

Họ và tên học sinh : Số báo danh :

Mã đề 0201

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Trong không gian $Oxyz$, cho mặt phẳng $(P): x - 3y - 4z + 1 = 0$. Một vector pháp tuyến của mặt phẳng (P) có tọa độ là

- A. $(1; 3; 4)$. B. $(1; -3; -4)$. C. $(-1; -3; -4)$. D. $(1; -3; 4)$.

Câu 2. Khảo sát thời gian tập thể dục trong ngày của một số học sinh khối 11 thu được mẫu số liệu ghép nhóm sau:

Thời gian (phút)	$[0; 20)$	$[20; 40)$	$[40; 60)$	$[60; 80)$	$[80; 100)$
Số học sinh	5	9	12	10	6

Nhóm chứa tứ phân vị thứ nhất là

- A. $[20; 40)$. B. $[40; 60)$. C. $[0; 20)$. D. $[60; 80)$.

Câu 3. Cho hàm số $y = f(x)$ có bảng xét dấu của đạo hàm như sau:

x	$-\infty$	-2	0	2	$+\infty$
y'	+	0	-	0	+

Mệnh đề nào dưới đây đúng?

- A. Hàm số nghịch biến trên khoảng $(0; +\infty)$.
B. Hàm số đồng biến trên khoảng $(-\infty; 0)$.
C. Hàm số đồng biến trên khoảng $(-\infty; -2)$.
D. Hàm số đồng biến trên khoảng $(-2; 0)$.

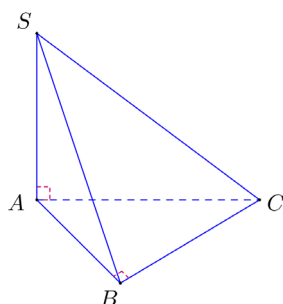
Câu 4. Cho cấp số cộng (u_n) với $u_1 = 2$ và $u_2 = 8$. Công sai của cấp số cộng đã cho bằng

- A. -6 . B. 10 . C. 6 . D. 4 .

Câu 5. Phương trình $2^{x-1} = 8$ có nghiệm là

- A. 3 . B. 5 . C. 9 . D. 4 .

Câu 6. Cho hình chóp $S.ABC$ có đáy ABC là tam giác vuông tại B và $SA \perp (ABC)$. Khẳng định nào sau đây đúng?



- A. $AB \perp (SBC)$. B. $BC \perp (SAB)$. C. $AC \perp (SBC)$. D. $BC \perp (SAC)$.

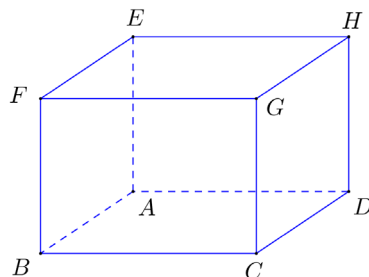
Câu 7. Tập nghiệm của bất phương trình $\log_2 x < 3$ là

- A. $(-\infty; 9)$. B. $(0; 8)$. C. $(-\infty; 8)$. D. $(0; 9)$.

Câu 8. Nguyên hàm của hàm số $f(x) = 3x^2 - \sin x$ là

- A. $6x - \cos x + C$. B. $x^3 - \cos x + C$. C. $x^3 + \cos x + C$. D. $6x + \cos x + C$.

Câu 9. Cho hình hộp $ABCD.EFGH$ (hình vẽ).



Kết quả phép toán $\overrightarrow{AB} - \overrightarrow{EH}$ bằng

- A. $\overrightarrow{DB}$. B. $\overrightarrow{BD}$. C. $\overrightarrow{AE}$. D. $\overrightarrow{BH}$.

Câu 10. Số đường tiệm cận của đồ thị hàm số $y = \frac{2x-1}{x+1}$ là

- A. 1. B. 4. C. 3. D. 2.

Câu 11. Trong không gian $Oxyz$, đường thẳng đi qua điểm $M(1; 3; -2)$ và nhận vector $\vec{u} = (1; -1; 5)$ làm vector chỉ phương có phương trình tham số là

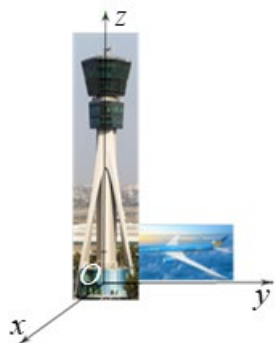
- A. $\begin{cases} x = 1+t \\ y = -1+3t \\ z = 5-2t \end{cases}$. B. $\begin{cases} x = 1+t \\ y = -1+3t \\ z = 5+2t \end{cases}$. C. $\begin{cases} x = 1+t \\ y = 3+t \\ z = -2+5t \end{cases}$. D. $\begin{cases} x = 1+t \\ y = 3-t \\ z = -2+5t \end{cases}$.

Câu 12. Cho hàm số $y = f(x)$ liên tục trên $\mathbb{R}$ và có một nguyên hàm là hàm $F(x)$. Biết rằng $F(1) = 9$, $F(2) = 5$. Giá trị của tích phân $\int_1^2 f(x) dx$ bằng

- A. -4 . B. 14 . C. 4 . D. 45 .

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Một tháp trung tâm kiểm soát không lưu ở sân bay cao 80m sử dụng radar có phạm vi theo dõi 500km được đặt trên đỉnh tháp. Chọn hệ trục tọa độ $Oxyz$ có gốc O trùng với vị trí chân tháp, mặt phẳng (Oxy) trùng với mặt đất sao cho trục Ox hướng về phía Tây, trục Oy hướng về phía Nam, trục Oz hướng thẳng đứng lên phía trên (hình vẽ) (đơn vị độ dài trên mỗi trục là kilômét).



Một máy bay đang ở vị trí $A(400; 300; 10)$, chuyển động theo đường thẳng đến vị trí $D(-450; -250; 10)$.

a) Khoảng cách giữa vị trí đầu tiên và vị trí cuối cùng mà máy bay di chuyển trong phạm vi theo dõi của hệ thống quan sát là 997km (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

b) Vị trí A không nằm trong phạm vi kiểm soát của radar.

c) Tọa độ của radar đặt trên tháp là $R(0;0;0,08)$.

d) Máy bay chuyển động trên đường thẳng có phương trình là
$$\begin{cases} x = 400 + 17t \\ y = 300 + 11t \\ z = 10 \end{cases}$$

Câu 2. Một nhà máy có hai phân xưởng cùng sản xuất một loại sản phẩm. Phân xưởng thứ nhất sản xuất 60% và phân xưởng thứ hai sản xuất 40% tổng số sản phẩm của cả nhà máy. Tỷ lệ phế phẩm của hai phân xưởng lần lượt là 1% và 0,5%. Lấy ngẫu nhiên một sản phẩm trong kho hàng của nhà máy.

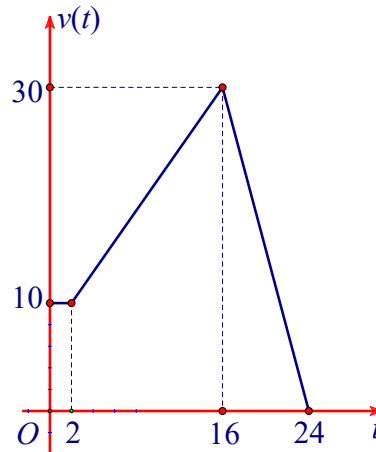
a) Xác suất để lấy được phế phẩm bằng 0,008.

b) Xác suất để sản phẩm đó do phân xưởng thứ hai sản xuất là 0,4.

c) Nếu lấy được sản phẩm tốt, khả năng sản phẩm đó do phân xưởng thứ hai sản xuất là cao hơn do phân xưởng thứ nhất sản xuất.

d) Giả sử đã lấy được phế phẩm, xác suất phế phẩm đó do phân xưởng thứ nhất sản xuất bằng 0,75.

Câu 3. Một chất điểm chuyển động thẳng trong 24 giây với vận tốc $v(t)$ (đơn vị: m/s) là hàm số phụ thuộc thời gian t (đơn vị: giây) có đồ thị cho bởi hình vẽ sau:



a) Quãng đường $s(t)$ (đơn vị: mét) mà chất điểm đi được trong khoảng thời gian t giây ($0 \leq t \leq 24$) được

tính theo công thức $s(t) = \int_0^t \left(\frac{10}{7}t + \frac{50}{7} \right) dt$.

b) Tại thời điểm $t = 2$ giây, vận tốc của chất điểm bằng 10m/s.

c) Quãng đường chất điểm đi được từ lúc 0 giây đến 24 giây bằng 420 m.

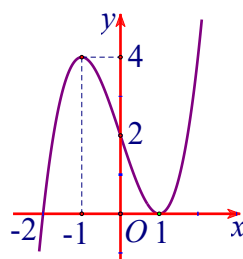
d) Trong khoảng thời gian từ 2 giây đến 16 giây, đồ thị của $v(t)$ là một phần của đường thẳng có phương

trình $v(t) = \frac{10}{7}t + \frac{50}{7}$ (m/s).

Câu 4. Cho hàm số $f(x) = x^3 - 3x + 2$.

a) Hàm số đồng biến trên các khoảng $(-\infty; -1)$ và $(1; +\infty)$; nghịch biến trên khoảng $(-1; 1)$.

b) Hàm số đã cho có đồ thị như hình vẽ



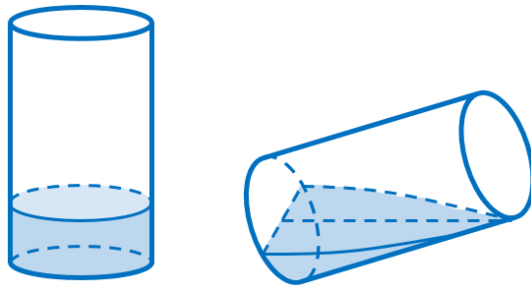
c) Giá trị lớn nhất của $f(x)$ trên khoảng $(-\infty; 0)$ bằng -1 .

d) Đạo hàm của hàm số đã cho là $f'(x) = 3x^2 - 3$.

Phần III. Câu hỏi trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Hai chiếc khinh khí cầu bay lên từ cùng một địa điểm trong không gian. Sau một khoảng thời gian, chiếc thứ nhất nằm cách điểm xuất phát 2km về phía Đông và 3km về phía Nam, đồng thời cách mặt đất 0,75km; chiếc thứ hai nằm cách điểm xuất phát 1,5km về phía Bắc và 1km về phía Tây, đồng thời cách mặt đất 0,5km. Cùng thời điểm đó, một người đứng trên mặt đất và nhìn thấy hai khinh khí cầu nói trên. Biết rằng, so với các vị trí quan sát khác trên mặt đất, vị trí người đó đứng có tổng khoảng cách đến hai khinh khí cầu là nhỏ nhất. Hỏi tổng khoảng cách nhỏ nhất ấy bằng bao nhiêu kilômét? (làm tròn kết quả đến hàng phần trăm).

Câu 2. Một cốc thủy tinh có dạng hình trụ đang đựng một lượng nước, bán kính trong lòng đáy cốc là 8cm, chiều cao trong lòng cốc là 10cm. Tính thể tích lượng nước trong cốc (đơn vị cm^3), biết khi nghiêng cốc nước vừa lúc khi nước chạm miệng cốc thì ở đáy cốc mực nước trùng với đường kính của đáy cốc (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).



Câu 3. Một cửa hàng có bán loại sản phẩm A . Khi cửa hàng bán sản phẩm A với giá 400 ngàn đồng thì mỗi tuần cửa hàng bán được 200 sản phẩm. Cửa hàng dự định có đợt giảm giá bán để kích cầu trong dịp lễ sắp tới. Theo khảo sát từ thị trường, mỗi lần giảm giá 20 ngàn đồng một sản phẩm thì cửa hàng bán được thêm 20 sản phẩm mỗi tuần. Hỏi cửa hàng cần bán một sản phẩm với giá là bao nhiêu ngàn đồng để doanh thu trong một tuần là lớn nhất?

Câu 4. Cho hình chóp tam giác $S.ABC$ có đáy ABC là tam giác vuông cân tại B , cạnh bên SA vuông góc với mặt phẳng đáy. Biết $SA = AB = 2$. Tính cosin của góc giữa đường thẳng SC và mặt phẳng (ABC) (làm tròn kết quả đến hàng phần trăm).

Câu 5. Bạn An muốn làm một hộp quà dạng hình hộp chữ nhật có đáy là hình vuông. Biết diện tích toàn phần của hộp quà luôn bằng 600cm^2 . Hỏi độ dài cạnh đáy của hộp quà bằng bao nhiêu xentimét để thể tích hộp quà lớn nhất?

Câu 6. Có hai chuồng thỏ. Chuồng thứ nhất có 6 con thỏ đực và 4 con thỏ cái. Chuồng thứ hai có 4 con thỏ đực và 5 con thỏ cái. Từ chuồng thứ nhất lấy ngẫu nhiên ra 1 con thỏ bỏ vào chuồng thứ hai, rồi sau đó từ chuồng thứ hai lấy ngẫu nhiên ra 3 con thỏ. Biết trong 3 con thỏ lấy ra ở chuồng thứ hai thì số thỏ đực nhiều hơn số thỏ cái. Tính xác suất con thỏ lấy ra ở chuồng thứ nhất là thỏ đực (làm tròn kết quả đến hàng phần trăm).

----- **HẾT** -----

-Thí sinh không được sử dụng tài liệu;

-Giám thị không giải thích gì thêm.

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề thi có 04 trang)

Họ và tên học sinh : Số báo danh :

Mã đề 0202

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Cho hàm số $y = f(x)$ có bảng xét dấu của đạo hàm như sau:

x	$-\infty$	-2	0	2	$+\infty$
y'	$+$	0	$-$	0	$+$

Mệnh đề nào dưới đây đúng?

- A. Hàm số đồng biến trên khoảng $(-\infty; 0)$. B. Hàm số đồng biến trên khoảng $(-\infty; -2)$.
C. Hàm số nghịch biến trên khoảng $(0; +\infty)$. D. Hàm số đồng biến trên khoảng $(-2; 0)$.

Câu 2. Khảo sát thời gian tập thể dục trong ngày của một số học sinh khối 11 thu được mẫu số liệu ghép nhóm sau:

Thời gian (phút)	$[0; 20)$	$[20; 40)$	$[40; 60)$	$[60; 80)$	$[80; 100)$
Số học sinh	5	9	12	10	6

Nhóm chứa tứ phân vị thứ nhất là

- A. $[60; 80)$. B. $[40; 60)$. C. $[0; 20)$. D. $[20; 40)$.

Câu 3. Trong không gian $Oxyz$, cho mặt phẳng $(P): x - 3y - 4z + 1 = 0$. Một vectơ pháp tuyến của mặt phẳng (P) có tọa độ là

- A. $(-1; -3; -4)$. B. $(1; 3; 4)$. C. $(1; -3; -4)$. D. $(1; -3; 4)$.

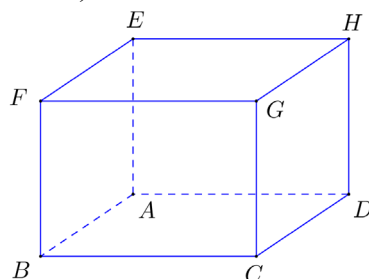
Câu 4. Phương trình $2^{x-1} = 8$ có nghiệm là

- A. 4. B. 9. C. 5. D. 3.

Câu 5. Nguyên hàm của hàm số $f(x) = 3x^2 - \sin x$ là

- A. $6x - \cos x + C$. B. $x^3 + \cos x + C$. C. $x^3 - \cos x + C$. D. $6x + \cos x + C$.

Câu 6. Cho hình hộp $ABCD.EFGH$ (hình vẽ).



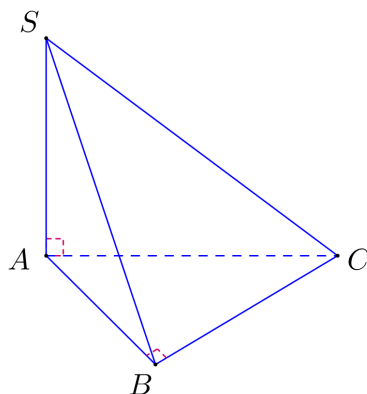
Kết quả phép toán $\overrightarrow{AB} - \overrightarrow{EH}$ bằng

- A. $\overrightarrow{DB}$. B. $\overrightarrow{AE}$. C. $\overrightarrow{BD}$. D. $\overrightarrow{BH}$.

Câu 7. Tập nghiệm của bất phương trình $\log_2 x < 3$ là

- A. $(0; 9)$. B. $(-\infty; 9)$. C. $(0; 8)$. D. $(-\infty; 8)$.

Câu 8. Cho hình chóp $S.ABC$ có đáy ABC là tam giác vuông tại B và $SA \perp (ABC)$. Khẳng định nào sau đây đúng?



- A. $AB \perp (SBC)$. B. $BC \perp (SAB)$. C. $BC \perp (SAC)$. D. $AC \perp (SBC)$.

Câu 9. Cho hàm số $y = f(x)$ liên tục trên $\mathbb{R}$ và có một nguyên hàm là hàm $F(x)$. Biết rằng $F(1) = 9$, $F(2) = 5$. Giá trị của tích phân $\int_1^2 f(x) dx$ bằng

- A. 14. B. 4. C. 45. D. -4.

Câu 10. Trong không gian $Oxyz$, đường thẳng đi qua điểm $M(1;3;-2)$ và nhận vector $\vec{u} = (1;-1;5)$ làm vector chỉ phương có phương trình tham số là

- A. $\begin{cases} x = 1+t \\ y = -1+3t \\ z = 5+2t \end{cases}$. B. $\begin{cases} x = 1+t \\ y = -1+3t \\ z = 5-2t \end{cases}$. C. $\begin{cases} x = 1+t \\ y = 3-t \\ z = -2+5t \end{cases}$. D. $\begin{cases} x = 1+t \\ y = 3+t \\ z = -2+5t \end{cases}$.

Câu 11. Cho cấp số cộng (u_n) với $u_1 = 2$ và $u_2 = 8$. Công sai của cấp số cộng đã cho bằng

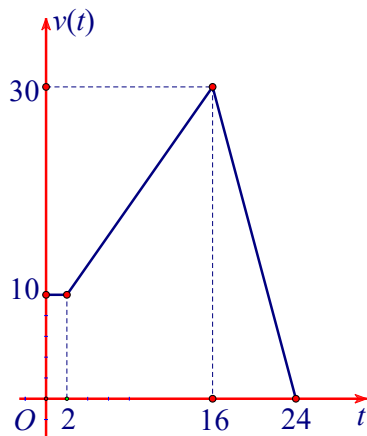
- A. 6. B. -6. C. 4. D. 10.

Câu 12. Số đường tiệm cận của đồ thị hàm số $y = \frac{2x-1}{x+1}$ là

- A. 4. B. 1. C. 3. D. 2.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Một chất điểm chuyển động thẳng trong 24 giây với vận tốc $v(t)$ (đơn vị: m/s) là hàm số phụ thuộc thời gian t (đơn vị: giây) có đồ thị cho bởi hình vẽ sau:



a) Quãng đường $s(t)$ (đơn vị: mét) mà chất điểm đi được trong khoảng thời gian t giây ($0 \leq t \leq 24$) được

tính theo công thức $s(t) = \int_0^t \left(\frac{10}{7}t + \frac{50}{7} \right) dt$.

b) Trong khoảng thời gian từ 2 giây đến 16 giây, đồ thị của $v(t)$ là một phần của đường thẳng có phương

$$v(t) = \frac{10}{7}t + \frac{50}{7} \text{ (m/s)}.$$

c) Quãng đường chất điểm đi được từ lúc 0 giây đến 24 giây bằng 420 m.

d) Tại thời điểm $t = 2$ giây, vận tốc của chất điểm bằng 10m/s.

Câu 2. Một tháp trung tâm kiểm soát không lưu ở sân bay cao 80m sử dụng radar có phạm vi theo dõi 500km được đặt trên đỉnh tháp. Chọn hệ trục tọa độ $Oxyz$ có gốc O trùng với vị trí chân tháp, mặt phẳng (Oxy) trùng với mặt đất sao cho trục Ox hướng về phía Tây, trục Oy hướng về phía Nam, trục Oz hướng thẳng đứng lên phía trên (hình vẽ) (đơn vị độ dài trên mỗi trục là kilômét).



Một máy bay đang ở vị trí $A(400; 300; 10)$, chuyển động theo đường thẳng đến vị trí $D(-450; -250; 10)$.

a) Vị trí A không nằm trong phạm vi kiểm soát của radar.

b) Khoảng cách giữa vị trí đầu tiên và vị trí cuối cùng mà máy bay di chuyển trong phạm vi theo dõi của hệ thống quan sát là 997km (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

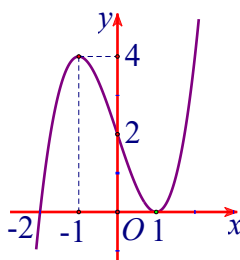
c) Tọa độ của radar đặt trên tháp là $R(0; 0; 0,08)$.

d) Máy bay chuyển động trên đường thẳng có phương trình là
$$\begin{cases} x = 400 + 17t \\ y = 300 + 11t \\ z = 10 \end{cases}$$

Câu 3. Cho hàm số $f(x) = x^3 - 3x + 2$.

a) Đạo hàm của hàm số đã cho là $f'(x) = 3x^2 - 3$.

b) Hàm số đã cho có đồ thị như hình vẽ



c) Giá trị lớn nhất của $f(x)$ trên khoảng $(-\infty; 0)$ bằng -1 .

d) Hàm số đồng biến trên các khoảng $(-\infty; -1)$ và $(1; +\infty)$; nghịch biến trên khoảng $(-1; 1)$.

Câu 4. Một nhà máy có hai phân xưởng cùng sản xuất một loại sản phẩm. Phân xưởng thứ nhất sản xuất 60% và phân xưởng thứ hai sản xuất 40% tổng số sản phẩm của cả nhà máy. Tỷ lệ phế phẩm của hai phân xưởng lần lượt là 1% và 0,5%. Lấy ngẫu nhiên một sản phẩm trong kho hàng của nhà máy.

a) Nếu lấy được sản phẩm tốt, khả năng sản phẩm đó do phân xưởng thứ hai sản xuất là cao hơn do phân xưởng thứ nhất sản xuất.

b) Xác suất để sản phẩm đó do phân xưởng thứ hai sản xuất là 0,4.

c) Xác suất để lấy được phế phẩm bằng 0,008.

d) Giả sử đã lấy được phế phẩm, xác suất phế phẩm đó do phân xưởng thứ nhất sản xuất bằng 0,75.

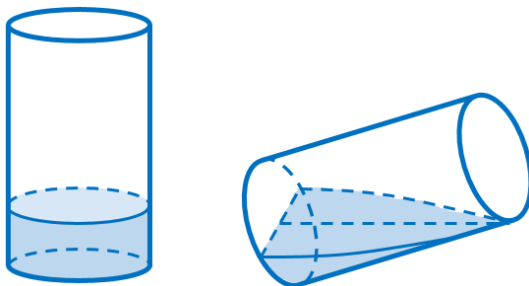
Phần III. Câu hỏi trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Hai chiếc khinh khí cầu bay lên từ cùng một địa điểm trong không gian. Sau một khoảng thời gian, chiếc thứ nhất nằm cách điểm xuất phát 2km về phía Đông và 3km về phía Nam, đồng thời cách mặt đất 0,75km; chiếc thứ hai nằm cách điểm xuất phát 1,5km về phía Bắc và 1km về phía Tây, đồng thời cách mặt đất 0,5km. Cùng thời điểm đó, một người đứng trên mặt đất và nhìn thấy hai khinh khí cầu nói trên. Biết rằng, so với các vị trí quan sát khác trên mặt đất, vị trí người đó đứng có tổng khoảng cách đến hai khinh khí cầu là nhỏ nhất. Hỏi tổng khoảng cách nhỏ nhất ấy bằng bao nhiêu kilômét? (làm tròn kết quả đến hàng phần trăm).

Câu 2. Cho hình chóp tam giác $S.ABC$ có đáy ABC là tam giác vuông cân tại B , cạnh bên SA vuông góc với mặt phẳng đáy. Biết $SA = AB = 2$. Tính cosin của góc giữa đường thẳng SC và mặt phẳng (ABC) (làm tròn kết quả đến hàng phần trăm).

Câu 3. Bạn An muốn làm một hộp quà dạng hình hộp chữ nhật có đáy là hình vuông. Biết diện tích toàn phần của hộp quà luôn bằng 600cm^2 . Hỏi độ dài cạnh đáy của hộp quà bằng bao nhiêu xentimét để thể tích hộp quà lớn nhất?

Câu 4. Một cốc thủy tinh có dạng hình trụ đang đựng một lượng nước, bán kính trong lòng đáy cốc là 8cm, chiều cao trong lòng cốc là 10cm. Tính thể tích lượng nước trong cốc (đơn vị cm^3), biết khi nghiêng cốc nước vừa lúc khi nước chạm miệng cốc thì ở đáy cốc mực nước trùng với đường kính của đáy cốc (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).



Câu 5. Có hai chuồng thỏ. Chuồng thứ nhất có 6 con thỏ đực và 4 con thỏ cái. Chuồng thứ hai có 4 con thỏ đực và 5 con thỏ cái. Từ chuồng thứ nhất lấy ngẫu nhiên ra 1 con thỏ bỏ vào chuồng thứ hai, rồi sau đó từ chuồng thứ hai lấy ngẫu nhiên ra 3 con thỏ. Biết trong 3 con thỏ lấy ra ở chuồng thứ hai thì số thỏ đực nhiều hơn số thỏ cái. Tính xác suất con thỏ lấy ra ở chuồng thứ nhất là thỏ đực (làm tròn kết quả đến hàng phần trăm).

Câu 6. Một cửa hàng có bán loại sản phẩm A . Khi cửa hàng bán sản phẩm A với giá 400 ngàn đồng thì mỗi tuần cửa hàng bán được 200 sản phẩm. Cửa hàng dự định có đợt giảm giá bán để kích cầu trong dịp lễ sắp tới. Theo khảo sát từ thị trường, mỗi lần giảm giá 20 ngàn đồng một sản phẩm thì cửa hàng bán được thêm 20 sản phẩm mỗi tuần. Hỏi cửa hàng cần bán một sản phẩm với giá là bao nhiêu ngàn đồng để doanh thu trong một tuần là lớn nhất?

----- **HẾT** -----

-Thí sinh không được sử dụng tài liệu;

-Giám thị không giải thích gì thêm.

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẮK LẮK**

**KỲ THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025
MÔN: TOÁN**

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề

ĐÁP ÁN

(Đáp án có 04 trang)

Phần đáp án câu trắc nghiệm:

Tổng câu trắc nghiệm: 22.

Mã đề Câu	0201	0202	0203	0204	0205
1	B	B	C	C	A
2	A	D	C	B	C
3	C	C	B	D	B
4	C	A	A	D	B
5	D	B	D	B	A
6	B	A	A	B	D
7	B	C	C	D	B
8	C	B	D	C	D
9	A	D	A	A	C
10	D	C	B	C	C
11	D	A	B	B	D
12	A	D	B	A	A
1	ĐDDĐ	SDDĐ	ĐDSĐ	SDDĐ	ĐDSĐ
2	ĐDSĐ	ĐDDĐ	ĐDDĐ	ĐDDĐ	SDDĐ
3	SDDĐ	ĐDSĐ	ĐDSĐ	SDDĐ	ĐDDĐ
4	ĐDSĐ	SDDĐ	ĐDDĐ	ĐDDĐ	ĐDDĐ
1	5,55	5,55	427	0,82	427
2	427	0,82	0,82	10	5,55
3	300	10	0,69	5,55	0,82
4	0,82	427	300	427	0,69
5	10	0,69	5,55	0,69	10
6	0,69	300	10	300	300

Mã đề Câu	0206	0207	0208	0209	0210
1	C	B	A	A	B
2	D	C	C	D	D
3	A	A	C	C	D
4	B	A	D	B	A
5	B	C	B	D	A
6	C	B	C	A	D
7	D	C	A	B	A
8	A	D	B	B	B
9	C	D	D	C	C

10	A	A	D	D	C
11	D	B	A	C	A
12	B	D	D	A	B
1	ĐĐĐS	ĐSĐĐ	ĐĐĐS	ĐĐĐĐ	ĐĐĐS
2	ĐĐSĐ	ĐĐSĐ	ĐĐSĐ	ĐĐĐS	SĐĐĐ
3	ĐĐĐĐ	ĐĐĐĐ	ĐĐĐĐ	SĐĐĐ	ĐĐĐĐ
4	SĐĐĐ	ĐĐĐS	ĐĐĐS	ĐĐĐS	ĐSĐĐ
1	10	5,55	427	5,55	0,82
2	427	427	0,69	0,69	0,69
3	0,69	300	10	10	10
4	300	0,82	0,82	427	300
5	5,55	10	5,55	300	427
6	0,82	0,69	300	0,82	5,55

Mã đề Câu	0211	0212	0213	0214	0215
1	D	D	D	B	D
2	C	A	A	B	C
3	D	B	D	D	B
4	D	B	D	C	B
5	C	A	A	D	C
6	B	D	B	A	D
7	C	A	A	D	A
8	B	D	B	C	B
9	A	B	C	B	A
10	A	A	B	A	C
11	B	C	C	C	A
12	D	C	C	A	D
1	ĐĐĐS	ĐSĐĐ	ĐĐSĐ	ĐĐĐĐ	ĐĐĐĐ
2	ĐĐSĐ	ĐĐĐS	ĐSĐĐ	ĐĐSĐ	ĐSĐĐ
3	ĐĐĐĐ	ĐĐĐĐ	ĐĐĐĐ	ĐĐĐS	ĐĐĐS
4	ĐSĐĐ	SĐĐĐ	SĐĐĐ	SĐĐĐ	ĐĐSĐ
1	5,55	0,82	427	10	300
2	0,69	0,69	300	0,82	0,82
3	0,82	427	5,55	0,69	10
4	10	5,55	10	300	0,69
5	427	10	0,82	427	427
6	300	300	0,69	5,55	5,55

Mã đề Câu	0216	0217	0218	0219	0220
1	D	A	B	C	C
2	B	B	B	A	A

3	C	D	C	A	B
4	A	B	C	C	B
5	D	B	B	B	C
6	A	D	D	D	D
7	B	C	C	D	C
8	D	C	C	B	B
9	A	D	A	C	D
10	C	A	A	A	D
11	B	C	D	D	D
12	C	A	A	B	A
1	ĐDDĐ	ĐDDĐ	ĐDDĐ	ĐSĐĐ	ĐSĐĐ
2	ĐDSĐ	ĐDDĐ	ĐDDĐ	ĐDDĐ	ĐDDĐ
3	ĐSĐĐ	ĐDSĐ	SĐDD	ĐDSĐ	ĐSĐĐ
4	ĐSĐĐ	ĐDDĐ	ĐDSĐ	ĐDDĐ	ĐDDĐ
1	0,69	300	0,82	10	10
2	0,82	10	5,55	0,69	427
3	10	0,69	300	5,55	0,69
4	5,55	427	10	0,82	0,82
5	300	5,55	427	427	5,55
6	427	0,82	0,69	300	300

Mã đề Câu	0221	0222	0223	0224
1	A	A	B	B
2	A	A	D	B
3	B	C	C	D
4	D	B	B	D
5	A	C	B	C
6	B	C	C	A
7	D	D	C	B
8	C	A	D	C
9	B	D	A	A
10	C	B	A	D
11	C	D	D	A
12	D	B	D	B
1	ĐDDĐ	ĐDDĐ	ĐDDĐ	SĐDD
2	ĐDDĐ	ĐDDĐ	ĐDSĐ	ĐDDĐ
3	ĐDSĐ	ĐDSĐ	SĐDD	SĐDD
4	ĐDSĐ	ĐDSĐ	SĐDD	ĐDDĐ
1	10	0,69	427	0,82
2	427	427	0,82	5,55
3	0,82	5,55	300	10
4	300	10	10	427

5	5,55	0,82	5,55	0,69
6	0,69	300	0,69	300

Xem thêm: **ĐỀ THI THỬ THPT MÔN TOÁN**
<https://toanmath.com/de-thi-thu-thpt-mon-toan>